

Bản án số: **48/2018/HSST**

Ngày: 18/4/2018

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hà Thị Tám**;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Quang Lực**;

Bà **Cao Thị Hồng Minh**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Quàng Thị Thu**, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố **ĐBP**, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hoi** - Kiểm sát viên;

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố **ĐBP**, tỉnh Điện Biên; Tòa án nhân dân thành phố **ĐBP** xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2018/TLST - HS, ngày 26 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đào Văn Q** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 06/5/1992, tại Điện Biên;

Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Đội chế biến 1, xã T L, huyện ĐB, tỉnh ĐB.

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hóa: 9/12 phổ thông;

Nghề nghiệp: Không;

Tiền án: Có 01 tiền án về tội trộm cắp

Tiền sự: Không;

Con ông: **Đào Văn C** (Đã chết) và con bà: **Nguyễn Thị T**

Hiện trú tại: Đội chế biến 1, xã T L, huyện ĐB, tỉnh ĐB.

Bị cáo có 03 A chị em ruột, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình;

Bị cáo: Chưa có vợ, con.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/01/2018, sau đó bị tạm giam cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. **Chị Vi Thị Thùy D**— Sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường T T, thành phố Đ B P, tỉnh Đ B (Vắng mặt)

2. **A Nguyễn Huy H** - sinh năm 1995, địa chỉ: Số nhà 05, tổ dân phố 16, phường M T, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB (VẮNG MẶT).

- *Người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh **H Minh C** - sinh năm 2003, địa chỉ: Đội C1A, xã T L, huyện Đ B, tỉnh Đ B (VẮNG MẶT).

Người đại diện hợp pháp của H Minh C: Bà **Lò Thị X** - Sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường M T, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB (VẮNG MẶT).

2. Anh **Phan V A** - Sinh năm 2002, địa chỉ: Đội chế biến 1, xã T L, huyện ĐB, tỉnh ĐB (VẮNG MẶT).

Người đại diện hợp pháp của Phan V A: Bà **Trần Thị C** – Sinh năm 1978, địa chỉ: Đội chế biến 1, xã T L, huyện Đ B, tỉnh Đ B;

3. Bà **Nguyễn Thị U** – Sinh năm 1957; Địa chỉ: C1B, xã T L, huyện Đ B, tỉnh Đ B (VẮNG MẶT).

- *Người làm chứng:* **A Quàng Văn Nam** – Sinh năm 1999; Địa chỉ: Bản Che Phai, phường T T, thành phố Đ B P, tỉnh Đ B (VẮNG MẶT).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 12/01/2018, Đào Văn **Q** cùng **H Minh C** – sinh ngày 25/7/2003 và **Phan V A** - sinh ngày 16/8/2002 gặp nhau tại vườn nhà **V A**. Do không có tiền chơi điện tử nên **C** nói với **Q** và **A** “Có đi kiếm tý không”, cả hai hiểu ý “là đi trộm cắp tài sản” nên đồng ý. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, cả ba đi đến khu vực Bến xe khách tỉnh Điện Biên, **C** nhìn thấy cửa cổng Văn phòng giao dịch Công ty cổ phần thương mại và dược phẩm **H Lan-** tại số nhà 46, tổ dân phố 5, phường T B, thành phố ĐBP không khóa, bên trong không có người, dưới nền nhà gần cửa ra vào của Phòng giao dịch có kê bàn thờ thần tài phía bên phải theo hướng từ ngoài đường nhìn vào. **C** bảo **Q** và **A** đi lên phía trước đợi, **C** vào xem có tiền để ở bàn thờ thì lấy trộm. **C** đi vào thấy trên bàn thờ có 48.000 đồng tiền lẻ của chị Vi Thị Thùy D đặt lên thắp hương, **C** lấy hết số tiền này cho vào túi quần rồi đi ra chỗ **A** và **Q** đưa toàn bộ số tiền vừa lấy trộm cho **A** cầm. Sau đó cả ba đi lên chân tượng đài **C** thắng ĐBP, **A** lấy tiền ra chia cho **C**, **Q** mỗi người 15.000 đồng, còn lại **A** được hưởng 18.000 đồng, số tiền này cả ba đã chi tiêu hết.

Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, cả ba tiếp tục đi đến khu vực tổ dân phố 16, phường M T, thành phố ĐBP, **A** nhìn thấy nhà **A Nguyễn Huy H** tại số nhà 05, cổng và cửa không khóa, trong nhà không có người nên **A** bảo **C** “nhà kia không có người kia”. Sau đó **C** đi vào, thấy bà Đào Thị T (mẹ **A H**) đang rửa bát ở phòng bếp, nên **C** đi vào trong phòng **A H** ở phía bên trái trước cửa phòng khách, phát hiện trên giường ngủ kê 1 chiếc bàn học nhỏ, trên mặt bàn có để một chiếc máy tính Laptop nhãn hiệu DELL, sơn màu đỏ, kèm 01 chuột vi tính và dây sạc đang cắm ở máy tính của **A H** có trị giá 18.915.000 đồng; trên thành cửa sổ cạnh giường ngủ bên tay phải theo hướng từ cửa vào có

01 điện thoại di động nhãn hiệu LEAGOO, màu hồng, máy không có sim và thẻ nhớ, có trị giá 180.000 đồng của **A H, C** lấy chiếc điện thoại rồi đi ra chỗ **A** và **Q** đang đứng đợi ở ngoài đường rồi đưa chiếc điện thoại cho **A** và nói “bên trong nhà còn chiếc máy vì tính tao không dám lấy”, **A** bảo “Sao không lấy, để tao vào xem lấy được thì tao lấy”. Sau đó **C** chỉ phòng và vị trí để chiếc máy tính cho **A** viết vào lấy trộm, lúc này **Q** đứng gần đó nên nghe rõ việc **C** và **A** trao đổi với nhau. **A** đi vào, rút dây sạc đang cắm ở ổ điện, lấy chiếc máy tính, dây sạc pin, chuột máy tính rồi đi ra chỗ **Q** và **C**, đưa chiếc máy tính cho **Q** cầm, **Q** giấu chiếc máy tính vào phía trước bụng rồi lấy áo khoác đang mặc che lại. **A** đưa cho **C** cầm chuột máy tính, còn **A** cầm bộ dây sạc pin. Cả ba đi đến khu vực C13, phường T T, thành phố ĐBP để tìm người bán. **Q** vào một quán Internet liên lạc với **A** Quảng Văn N (địa chỉ trên) trao đổi và hẹn gặp **A** Nam tại khu vực C13, phường T T để xem máy tính. Khoảng 10 phút sau, thì **A** Nam đến xem máy tính và hỏi **Q** “máy tính này **A** lấy ở đâu” **Q** trả lời “Máy tính **A** lấy trộm được ở khu vực cổng sau Sân vận động tỉnh”. Nam thấy **Q** nói vậy nên không mua và đi về. Do không nhìn thấy **Q** lấy trộm máy tính, nên Nam không đi báo cơ quan chức năng. Vì không tìm được người để bán, nên **Q** và **C** đưa máy tính và chuột cho **A** cầm về nhà cất giấu; Chiếc điện thoại di động **C** mang về nhà đến ngày 13/01/2018, **C** nói dối là điện thoại của bố **C** không dùng nữa, bán cho bà Nguyễn Thị U (địa chỉ trên), bà U đã tin và mua chiếc điện thoại với giá 70.000 đồng, số tiền này **C** đã chi tiêu hết. Việc mua điện thoại của bà U không vi phạm pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa:

Bị cáo Đào Văn **Q** đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Trong ngày 12/01/2018, trên địa bàn thành phố **ĐBP**, Đào Văn **Q** cùng **H Minh C** – sinh ngày 25/7/2003 và Phan Việt **A** - sinh ngày 16/8/2002 đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 chiếc máy tính, kèm theo 01chuột vi tính, dây sạc; 01 điện thoại và số tiền 48.000 đồng. Tổng giá trị tài sản **Q** đã chiếm đoạt của các chủ sở hữu là 19.143.000 đồng của người khác.

2. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số 17/QĐ-VKS-HS ngày 26/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố **ĐBP** truy tố ra trước Toà án nhân dân thành phố **ĐBP** để xét xử bị cáo Đào Văn **Q** về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Đào Văn **Q** từ **18 đến 21 tháng tù**. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố là đúng, không có ý kiến trA luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét

xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Tại phiên tòa hôm nay người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn người bị hại thừa nhận đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

- *Lời nói sau cùng của bị cáo:* Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, thừa nhận viện kiểm sát truy tố là đúng người đúng tội không oan sai, bị cáo không tham gia tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Đào Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại, phù hợp với lời khai của những người có Q lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Trong ngày 12/01/2018, trên địa bàn thành phố ĐBP, Đào Văn Q đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 chiếc máy tính, kèm theo 01 chuột vi tính, dây sạc; 01 điện thoại và số tiền 48.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Q đã chiếm đoạt của các chủ sở hữu là 19.143.000 đồng của người khác.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Đào Văn Q là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm đến Q sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn trên địa bàn thành phố ĐBP. Với hành vi trên, với giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp trên thì bị cáo Đào Văn Q đã phạm vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp; Vì vậy, khẳng định, Viện kiểm sát truy tố bị

cáo về tội Trộm cắp tài sản theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

Qua phần xét hỏi vụ tranh luận tại phiên tòa thì hiên nguyên nhân đến với việc bị cáo Đào Văn Q phạm tội do thiếu ý thức rèn luyện bản thân, tu dưỡng phẩm chất đạo đức trong việc chấp hành các quy định của pháp luật; nên theo các vi phạm của mình làm vi phạm pháp luật hình sự nên có những hành vi phạm tội như phạm tội trộm cắp tài sản của bản thân bị cáo lao vào con đường phạm tội:

Ngày 16/3/2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố ĐBP, xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (*Phạm tội nhiều lần*) xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đến ngày 23/02/2016, bị cáo đã chấp hành xong bản án, hiện bị cáo chưa được xóa án tích.

Ngày 12/01/2018 bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp của người khác, Ngày 16/01/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố ĐBP khởi tố và bắt tạm giam về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo phạm tội mới trong thời gian chưa được xóa án tích của bản án trước đó. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện lao động, học tập, cải tạo sửa chữa lỗi lầm để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy không nghề nghiệp, không có thu nhập bị cáo không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành. HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 05/02/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố ĐBP đã trả lại tài sản cho người bị hại A Nguyễn Huy H. A H đã nhận được đầy đủ tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với H Minh C, Phan Việt A, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản khi những người này chưa đủ 16 tuổi nên không phải chịu trách nhiệm hình sự, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố ĐBP đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Hội đồng xét xử xét thấy Cơ quan cảnh sát điều tra đã giải

quyết đúng quy định pháp luật. Do vậy tại phiên tòa hôm nay HĐXX không đề cập xử lý đối với **H Minh C**, **Phan Việt A**.

Đối với số tiền 48.000 đồng bị cáo đã cùng **A**, **C** lấy trộm của chị **Vi Thị Thùy D**, số tiền 70.000 đồng bà **U** đã bỏ ra mua điện thoại, chị **Dương** và bà **U** cho **Q**, **A** và **C**. Chị **D**, bà **U** không yêu cầu bị cáo **Q** bồi thường gì thêm.

[7] Về án phí: Bị cáo **Đào Văn Q** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Đào Văn Q** phạm tội "**Trộm cắp tài sản**".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Đào Văn Q 18 (mười tám) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (17/01/2018).

3. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu **200.000 (Hai trăm nghìn)** đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/4/2018) bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- CQĐT CATP ĐBP;
- CQTHAHS;
- Trại tạm giam;
- Nhà tạm giữ CATP ĐBP;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- HS Thi hụnh ụn HS;
- Chi cục Thi hụnh ụn DS TPĐBP;
- TAND tởnh ệB;
- Lu hủ s ụn vớ ụn;
- Lu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Tám